

Số: 888/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH ngày 14/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi 10 Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thống nhất chủ trương tổ chức, sắp xếp lại hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 14; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch và Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Vĩnh Long;
- Lưu: VT, 175.TCDNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 12/5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập theo Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2021/NĐ-CP); Quỹ trực thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long và các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại tỉnh Vĩnh Long theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi: Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long;

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Quỹ HTX tỉnh Vĩnh Long;

c) Tên giao dịch quốc tế: Vĩnh Long Cooperative Assistance Fund. Tên viết tắt là VLCAF.

2. Trụ sở chính: Số 123, Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước; các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp; nhận ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

5. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ thực hiện cho vay theo đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ:

a) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan;

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long;

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính và tình hình hoạt động theo Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

e) Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Quỹ;

g) Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy chế nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ, phù hợp với thẩm quyền và quy định của Điều lệ này.

2. Quyền hạn của Quỹ:

a) Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Được lựa chọn khách hàng đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện cho vay theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay của Quỹ;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối mọi yêu cầu của cá nhân hay tổ chức về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ**

Điều 6. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ.

2. Kiểm soát viên.

3. Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Điều 7. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ; do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.

2. Chủ tịch Quỹ do lãnh đạo Sở Tài chính tỉnh kiêm nhiệm, có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm; xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ;

c) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh: quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay theo Điều 31 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP; nhận ủy thác cho vay, mức phí nhận ủy thác; hoạt động huy động vốn; quy định nội bộ về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro; quy chế hoạt động

của Hội đồng xử lý rủi ro; quy định về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ; quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi; quy chế về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ; quy chế khen thưởng; quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ và ban hành các quy định về quản trị điều hành khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

d) Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đối với chức danh Giám đốc Quỹ và Kiểm soát viên;

đ) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ sau khi có ý kiến phê duyệt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

e) Trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên của Quỹ;

g) Thay mặt Quỹ ký nhận vốn, các nguồn lực khác do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân giao cho Quỹ;

h) Ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

i) Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;

k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hiệu quả làm việc của Giám đốc Quỹ;

l) Yêu cầu những người điều hành Quỹ cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ;

m) Giải trình và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh về những công việc theo phân công hoặc theo quyết định;

n) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

o) Các quyền hạn, trách nhiệm khác của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Chủ tịch Quỹ sử dụng bộ máy giúp việc của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Kinh phí hoạt động của Chủ tịch Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

Điều 8. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên của Quỹ được bổ trí kiêm nhiệm, do Liên minh Hợp tác xã tỉnh giới thiệu để Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, để giúp kiểm soát việc tổ chức thực hiện

các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch Quỹ và Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ và Điều lệ này.

2. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ;

c) Không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người điều hành của tổ chức tín dụng khác; không được đồng thời tham gia điều hành tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Liên minh Hợp tác xã tỉnh quy định tại Điều lệ này.

4. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Giám sát việc quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ Quỹ của Chủ tịch Quỹ, Giám đốc Quỹ;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Giám sát đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế cho vay, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế quản trị khác của Quỹ;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo tài chính hằng năm, 06 (sáu) tháng, báo cáo phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch Quỹ, Giám đốc Quỹ;

đ) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Quỹ khi xét thấy cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

e) Kịp thời thông báo cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Quỹ khi phát hiện người quản lý Quỹ có hành vi vi phạm, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và kiến nghị giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

g) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

h) Có quyền tiếp cận các hồ sơ tài liệu của Quỹ lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác, có quyền đến các nơi người quản lý và cán bộ nhân viên của Quỹ làm việc;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ pháp luật, quyết định của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Quỹ;

c) Xây dựng kế hoạch công tác, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều lệ này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Quỹ mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

6. Chế độ làm việc của Kiểm soát viên:

a) Kiểm soát viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

b) Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các công việc theo kế hoạch;

c) Kiểm soát viên hoạt động theo Quy chế hoạt động do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh ban hành.

7. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp quy định Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 9. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp luật của Quỹ, do Liên minh Hợp tác xã tỉnh giới thiệu để Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Giám đốc Quỹ trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ được bố trí kiêm nhiệm. Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 10 Nghị định 45/2021/NĐ-CP;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ

tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Kiểm soát viên, Chủ tịch Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ;

c) Không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người điều hành của tổ chức tín dụng khác; không được đồng thời tham gia điều hành tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn thực hiện các quy định của Chủ tịch Quỹ; ban hành quy định về nội quy lao động, các quy định về quản trị, điều hành khác thuộc thẩm quyền của Giám đốc Quỹ;

b) Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

c) Dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

d) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;

đ) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này; thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền lại cho Phó Giám đốc Quỹ hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

e) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ sau khi có ý kiến phê duyệt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

g) Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật và kịp thời báo cáo Chủ tịch Quỹ;

h) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

i) Quyết định tuyển dụng, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ theo quy chế, quy định của Quỹ và pháp luật liên quan. Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ, quy định của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và quy định pháp luật liên quan;

k) Được phép thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

l) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan;

m) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc Quỹ tại báo cáo của Kiểm soát viên (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

n) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ:

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin, bí quyết hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ và Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 10. Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ

Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ thực hiện theo quy định của Quỹ về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa các chức danh nêu trên. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành.

Điều 11. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, sau khi có ý kiến phê duyệt của Liên minh hợp tác xã tỉnh.

2. Phó Giám đốc Quỹ được bố trí kiêm nhiệm. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định nhưng tối đa không quá 02 (hai) người.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên; có năng lực quản lý;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ

tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

- a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ;
- b) Thực hiện đúng nội dung được ủy quyền trong thời gian Giám đốc vắng mặt;
- c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 12. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, sau khi có ý kiến phê duyệt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh. Kế toán của Quỹ được bổ trí kiêm nhiệm; được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Có trình độ đại học trở lên trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật, kế toán, kiểm toán;
- c) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- d) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;
- đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

- a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc Quỹ để báo cáo các cấp có thẩm quyền;
- c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;
- d) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các quy định khác liên quan.

Điều 13. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc:

a) Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc sau khi được Chủ tịch Quỹ chấp thuận về chủ trương;

b) Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc Quỹ quyết định;

c) Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ hợp tác thực hiện theo quy định tại Điều lệ này;

d) Quyền hạn và trách nhiệm của Phó giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc của Quỹ hợp tác xã thực hiện theo Điều lệ này.

Trường hợp không hình thành bộ máy giúp việc, Quỹ sẽ thực hiện hợp đồng ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ.

2. Tuyển dụng:

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 5 (năm) năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động và pháp luật liên quan;

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Mục 1. CHO VAY TRỰC TIẾP; NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 14. Đối tượng và phạm vi cho vay

1. Đối tượng cho vay của Quỹ là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp).

2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có trụ sở và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Nguyên tắc cho vay

1. Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ.

Điều 16. Điều kiện cho vay

Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này.
2. Khách hàng vay vốn là pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật. Khách hàng vay vốn là cá nhân phải đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.
3. Khách hàng có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Quỹ thẩm định, đánh giá là khả thi và có khả năng hoàn trả nợ vay.
4. Khách hàng thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này.
5. Khách hàng có vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh.
6. Tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên của Quỹ sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng.

Điều 17. Hình thức cho vay

Quỹ xem xét quyết định cho vay khách hàng vay theo các hình thức cho vay sau:

1. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay tối đa 01 năm.
2. Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 năm và tối đa 05 năm.
3. Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 05 năm và tối đa 10 năm.

Điều 18. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay

1. Mức vốn cho vay: Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại khoản 2 Điều này, Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

2. Giới hạn cho vay:

- a) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay;
- b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

Điều 19. Thời hạn cho vay

Căn cứ vào chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, khả năng tài chính, khả năng trả nợ, khả năng thu hồi vốn, khả năng nguồn vốn của Quỹ, Quỹ xác định

thời hạn cho vay đối với khách hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này, tối đa không quá 10 năm.

Điều 20. Phương thức cho vay

1. Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết hợp đồng tín dụng.

2. Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định mức dư nợ cho vay tối đa đối với khách hàng được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Quỹ thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét, xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này.

3. Cho vay hợp vốn: Quỹ cho vay hợp vốn thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

4. Các phương thức cho vay khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay, thu nợ

1. Lãi suất cho vay phù hợp với chính sách ưu đãi, kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã của Nhà nước, đồng thời đảm bảo nguyên tắc trang trải đủ chi phí hoạt động của Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất cho vay.

2. Lãi suất quá hạn đối với từng trường hợp cụ thể do Quỹ quyết định, tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn.

3. Chủ tịch Quỹ quy định lãi suất cho vay trong từng thời kỳ, miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Long, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay của Quỹ hợp tác xã Trung ương.

4. Đồng tiền cho vay và thu nợ là đồng Việt Nam.

Điều 22. Bảo đảm tiền vay

1. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay do Quỹ quyết định, phù hợp với Quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay do Quỹ ban hành và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay, sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, trong đó quy định rõ từng biện pháp bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định biện pháp bảo đảm tiền vay.

Điều 23. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của

khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi;

b) Khách hàng không có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng.

2. Giám đốc Quỹ trình Chủ tịch Quỹ cho chủ trương việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Quỹ, Giám đốc Quỹ ra quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay.

Điều 24. Nhận ủy thác và ủy thác cho vay

1. Nhận ủy thác

a) Quỹ nhận ủy thác cho vay từ Quỹ hợp tác xã Trung ương và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

b) Quỹ chỉ nhận vốn ủy thác để cho vay các đối tượng khách hàng phù hợp với quy định tại Điều lệ này;

c) Quỹ được hưởng phí ủy thác, mức phí nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác;

d) Chủ tịch Quỹ ban hành Quy định nhận ủy thác cho vay của Quỹ. Giám đốc Quỹ ký kết hợp đồng ủy thác với bên ủy thác. Hợp đồng ủy thác phải quy định rõ nội dung, gồm: Nội dung và phạm vi ủy thác, số tiền nhận ủy thác, quy trình ủy thác, rủi ro phát sinh, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn các các bên và nội dung khác có liên quan.

2. Ủy thác

a) Quỹ ủy thác cho vay đối với Quỹ cấp tỉnh và ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi là bên nhận ủy thác) để thực hiện cho vay đối với khách hàng theo chính sách cho vay của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này;

b) Quỹ chỉ ủy thác vốn cho bên nhận ủy thác khi bên nhận ủy thác được phép thực hiện nội dung ủy thác theo quy định của pháp luật; Việc ủy thác cho vay giữa Quỹ và bên nhận ủy thác phải được lập thành hợp đồng ủy thác cho vay; thỏa thuận cho vay giữa bên nhận ủy thác với khách hàng phải được lập thành hợp đồng và phải phù hợp với hợp đồng ủy thác cho vay giữa Quỹ và bên nhận ủy thác. Bên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba;

c) Bên nhận ủy thác cho khách hàng vay vốn từ nguồn vốn ủy thác của Quỹ với lãi suất bằng với lãi suất cho vay trực tiếp của Quỹ; Bên nhận ủy thác được hưởng chi phí ủy thác do Quỹ chi trả, mức phí ủy thác do Quỹ quyết định trong từng thời kỳ;

d) Trình tự, thủ tục ủy thác cho vay thực hiện theo quy định của Quỹ về ủy thác cho vay; Bên nhận ủy thác thực hiện cho vay theo quy trình thẩm định, ra quyết định của bên nhận ủy thác, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch

MỤC 2. PHÂN LOẠI NỢ, TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG DỰ PHÒNG RỦI RO VÀ XỬ LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA QUỸ

Điều 25. Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay mà Quỹ chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tài chính vi mô và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Đối với những khoản cho vay nhận ủy thác mà Quỹ không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

3. Sau 05 (năm) năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ, Chủ tịch Quỹ quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh sau khi đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy định nội bộ về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong cho vay của Quỹ, phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 26. Các biện pháp xử lý rủi ro cho vay

1. Các biện pháp xử lý rủi ro trong cho vay trực tiếp của Quỹ:

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/số tiền trả nợ; gia hạn nợ vay;

b) Miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn;

c) Khoanh nợ, xóa nợ lãi;

d) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay;

đ) Xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng;

e) Các biện pháp xử lý rủi ro khác theo quy định của pháp luật.

2. Các biện pháp xử lý rủi ro trong hoạt động nhận ủy thác cho vay thực hiện theo hợp đồng ủy thác giữa hai bên.

Điều 27. Hội đồng xử lý rủi ro

1. Chủ tịch Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro, ban hành Quy chế hoạt động nội bộ của Hội đồng xử lý rủi ro. Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro:

a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ báo cáo;

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

c) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay; xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ đối với những khoản nợ không có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc;

d) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

đ) Chuẩn bị thủ tục, trình tự, hồ sơ xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều lệ này và quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

Điều 28. Thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh xem xét phê duyệt xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng sau khi đã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; xem xét phê duyệt về chủ trương miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn.

2. Chủ tịch Quỹ xem xét quyết định:

a) Xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh sau khi đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định miễn, giảm lãi trong hạn, quá hạn, khoanh nợ đối với từng trường hợp cụ thể theo đề xuất của Hội đồng xử lý rủi ro sau khi được Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt về chủ trương.

3. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định:

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ) sau khi đã báo cáo Chủ tịch Quỹ và được Chủ tịch Quỹ chấp thuận bằng văn bản;

b) Chuyển nợ quá hạn, áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Mục 3. HUY ĐỘNG VỐN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 29. Hoạt động huy động vốn của Quỹ

1. Quỹ thực hiện huy động vốn thông qua các hình thức sau:

a) Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính;

b) Vay của tổ chức, cá nhân ngoài Quỹ;

- c) Vay của người lao động trong Quỹ;
- d) Nhận tiền gửi từ Quỹ hợp tác xã Trung ương;
- đ) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

- a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;
- b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ.

Điều 30. Hoạt động khác của Quỹ

1. Quỹ thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng khách hàng vay vốn Quỹ, bao gồm:

- a) Hoạt động tư vấn đầu tư;
- b) Hoạt động tư vấn tài chính;
- c) Hoạt động tập huấn, đào tạo.

2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ:

- a) Có kế hoạch/phương án tổ chức các hoạt động dịch vụ;
 - b) Chỉ tự thực hiện các hoạt động nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc thuê dịch vụ bên ngoài nếu không đủ điều kiện;
 - c) Chi phí thực hiện các hoạt động được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.
3. Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về hoạt động dịch vụ của Quỹ.

Chương IV

**CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO,
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ BẢO MẬT,
CÔNG KHAI THÔNG TIN**

Điều 31. Chế độ tài chính, kế toán

- 1. Quỹ tổ chức thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- 2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 3. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 32. Nguyên tắc quản lý tài chính

- 1. Quỹ tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ hợp tác xã chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Quỹ thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 33. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:

a) Vốn điều lệ;

b) Các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính;

c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;

đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;

e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.

2. Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ của Quỹ là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) được bố trí từ ngân sách địa phương.

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính.

Điều 35. Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Quỹ

1. Việc quản lý, sử dụng vốn của Quỹ phải đảm bảo an toàn, đúng mục đích và có hiệu quả để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Đối với quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi:

a) Quỹ được gửi tại các ngân hàng thương mại thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và phát triển vốn;

b) Vốn nhàn rỗi của Quỹ địa phương có thể gửi tại Quỹ hợp tác xã trung ương và ngược lại theo thỏa thuận giữa các bên;

c) Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn; thẩm quyền quyết định lựa chọn ngân hàng.

3. Quỹ được mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có tại thời điểm quyết định đầu tư, mua sắm; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 36. Bảo đảm an toàn vốn

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định tại Điều lệ này, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện các quy định về giới hạn cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
3. Mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản pháp luật quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
4. Hạch toán vào chi phí hoạt động khoản dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
5. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ khác

Người quản lý, Kiểm soát viên, người lao động của Quỹ được hưởng chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH ngày 14/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các quy định khác có liên quan.

Điều 38. Doanh thu của Quỹ

Các khoản thu của Quỹ phải ghi nhận và hạch toán cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

Doanh thu của Quỹ bao gồm:

1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Thu lãi cho vay;
 - b) Thu phí từ hợp đồng dịch vụ nhận ủy thác cho vay;
 - c) Thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính liên quan đến hoạt động của Quỹ; thu từ hoạt động dịch vụ hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản thu khác từ hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

2. Thu nhập từ hoạt động tài chính:

a) Thu lãi tiền gửi;

b) Thu từ chênh lệch tỷ giá (nếu có);

c) Thu từ hoạt động tài chính khác.

3. Các khoản thu khác:

a) Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản;

b) Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;

c) Chênh lệch các khoản thu bảo hiểm được bồi thường đền bù tổn thất tài sản sau khi thực hiện bù đắp tổn thất;

d) Thu nợ đã xóa thu hồi được;

đ) Thu hoàn nhập dự phòng;

e) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Chi phí của Quỹ

1. Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế, được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Các nội dung chi phí của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 40. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính:

a) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả dương;

b) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả âm.

2. Khi kết quả tài chính trong năm của Quỹ đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Quỹ:

Quỹ xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên:

Quỹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý và Kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý và Kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý và Kiểm soát viên.

đ) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a và b khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và Kiểm soát viên theo mức quy định thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và Kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

3. Mục đích sử dụng các Quỹ:

a) Quỹ đầu tư phát triển dùng để mua sắm, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động; mở rộng quy mô hoạt động, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Chủ tịch Quỹ quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp theo quy định của pháp luật liên quan;

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;

c) Quỹ thưởng người quản lý và Kiểm soát viên dùng để thưởng cho người quản lý Kiểm soát viên của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ;

d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ trên cơ sở năng suất lao động hoặc thành tích công tác;

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, công trình phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên của Quỹ; chi cho hoạt động phúc lợi khác của Quỹ;

e) Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về mục đích sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính. Giám đốc Quỹ quy định cụ thể mục đích sử dụng và phối hợp với công đoàn Quỹ quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, Quỹ được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 năm. Nếu sau 05 năm, Quỹ không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Quỹ báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh để báo cáo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc giảm hoặc bổ sung vốn điều lệ, cơ cấu, tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Quỹ.

Điều 41. Chế độ báo cáo

1. Lập và gửi các báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 14, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và gửi về Quỹ Hợp tác xã Trung ương để theo dõi, giám sát.

2. Các loại báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tình hình hoạt động cho vay;

c) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm;

d) Các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất trước ngày 15 tháng 7 hàng năm;

b) Báo cáo năm gửi chậm nhất sau 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện gửi chậm nhất sau 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Phương thức gửi báo cáo: Theo phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

5. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

6. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 42. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay;

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ);

c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm;

d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về cho vay, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính;

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

Điều 43. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của Cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2. Về tổ chức phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm thực hiện theo quy định của của Chủ tịch Quỹ.

Điều 44. Chế độ lưu giữ tài liệu của Quỹ

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ:

a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các quy chế quản lý của Quỹ;

b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;

c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;

d) Báo cáo của Kiểm soát viên; Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nhà nước;

đ) Hồ sơ tín dụng;

- e) Tài sản bảo đảm;
- g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;
- h) Các tài liệu khác theo quy định nội bộ của Quỹ, Điều lệ này và pháp luật liên quan.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Bảo mật và công khai thông tin

1. Những người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ những thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.

2. Chủ tịch Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch Quỹ hoặc người được Chủ tịch Quỹ ủy quyền.

3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương V **TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ** **CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ**

Điều 46. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác; Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, các bên giải quyết tranh chấp theo quy định pháp luật.

Điều 47. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Quỹ không có đủ vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 37 và điểm c khoản 4 Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Quỹ bị các cơ quan thẩm quyền đánh giá xếp loại C trong 05 (năm) năm liên tiếp và tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 (năm) năm liên tiếp.

3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp.

4. Lũy kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 15% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp.

5. Các trường hợp giải thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 48. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ

Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh sau khi có ý kiến tham gia của Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 14, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, phê duyệt chủ trương giải thể trước khi ban hành quyết định giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 49. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 50. Phá sản Quỹ

Việc phá sản Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 51. Chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ

1. Trường hợp Quỹ chuyển đổi mô hình hoạt động từ mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình hợp tác xã, Quỹ phải thực hiện xây dựng phương án giải thể Quỹ hiện hành và phương án thành lập Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác xã (phương án tài chính, quản lý điều hành, dư nợ tín dụng và các nội dung liên quan), báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan quản lý liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển đổi mô hình theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 14.

2. Quỹ thực hiện xử lý tài chính khi chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VÀ QUỸ HỢP TÁC XÃ TRUNG ƯƠNG

Điều 52. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp với Quỹ hợp tác xã Trung ương theo các nguyên tắc sau:

1. Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.

3. Thực hiện trên cơ sở thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Điều 53. Nội dung phối hợp hoạt động

1. Nhận ủy thác vốn từ Quỹ hợp tác xã Trung ương thực hiện hoạt động cho vay.

2. Cho vay hợp vốn đối với khách hàng theo nhu cầu của các bên.

3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hợp tác xã Trung ương và ngược lại.

4. Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ với Quỹ hợp tác xã Trung ương và Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh/thành phố khác.

5. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho người lao động, nhân viên của Quỹ.

6. Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn tỉnh.

7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ hợp tác xã Trung ương.

8. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Quỹ gửi báo cáo Quỹ hợp tác xã Trung ương để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định.

9. Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 54. Điều khoản thi hành

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc có quy định mới của pháp luật khác với nội dung Điều lệ này thì quy định đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan được thực hiện theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 56. Trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung: Dự thảo chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm của Quỹ.

2. Xây dựng phương án bổ sung vốn điều lệ của Quỹ, sau khi có ý kiến của Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính để phục vụ công tác quản lý, giám sát.

4. Phê duyệt Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên của Quỹ.

5. Thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ; đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại Quỹ hàng năm.

6. Hướng dẫn, đôn đốc Quỹ xây dựng, gửi báo cáo theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 52/2022/TT-BTC.

7. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán định kỳ và đột xuất đối với Quỹ.

8. Thực hiện giao chỉ tiêu và thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

9. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 57. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ. Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Quỹ theo phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tham mưu cấp thẩm quyền cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 58. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Chủ trì, hướng dẫn Quỹ thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý Quỹ.

Điều 59. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 14

1. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

2. Phối hợp với Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở, ngành có liên quan trong việc tham mưu, góp ý cấp thẩm quyền để xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 60. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung; Quỹ tổng hợp, báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.